

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Lại Việt Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Uy	Ủy viên
Ông Trần Việt Sơn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2014)
Ông Hứa Vĩnh Cường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19/09/2014)
Bà Trần Thị Nga	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/09/2014)
Ông Cao Châu Tuệ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19/09/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Châu Tuệ	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/07/2014)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/07/2014)
Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/02/2014, miễn nhiệm ngày 22/07/2014)
Ông Trần Việt Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/02/2014)
Ông Trần Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/02/2014; miễn nhiệm ngày 21/04/2014)
Ông Lại Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Vĩnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hòa Thuận	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/05/2015)
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/10/2014)
Ông Đặng Vũ Dương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/07/2014, miễn nhiệm ngày 04/06/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.

Cao Châu Tuệ

Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 06 năm 2015

Số: 04.06/2015/ BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 06 năm 2015, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.759.410.775.771 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 1.484.271.103.570 đồng và Vốn chủ sở hữu của Công ty bị âm với số tiền là 1.305.515.230.135 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con của Công ty gồm: Công ty Cổ phần 353, Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn, và Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền Thông Thăng Long có dấu hiệu dừng hoạt động từ giữa năm 2012 và năm 2013. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở là Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần 353 và Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 25.056.476.380 đồng, tổng giá trị tài sản dài hạn là 10.721.316.267 đồng, tổng công nợ phải trả là 16.044.912.361 đồng và vốn chủ sở hữu là 19.732.880.286 đồng; Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 5.631.652.263 đồng, tổng giá trị tài sản dài hạn là 3.286.675.016 đồng, tổng công nợ phải trả là 12.367.136.757 đồng và tổng vốn chủ sở hữu là âm (-) 3.448.809.478 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục có liên quan từ việc sử dụng Báo cáo tài chính của các công ty trên tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở là Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thăng Long Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được thực hiện kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) của việc sử dụng số liệu trên Báo cáo tài chính của các công ty này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Lỗi của các công ty liên kết trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm: Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long F, Công ty Cổ phần Nền móng Sông Đà Thăng Long, Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long và Công ty Cổ phần Khoáng sản Thăng Long đang được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 28.665.002.455 đồng. Tuy nhiên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các công ty nêu trên chưa được thực hiện kiểm toán bởi các Kiểm toán viên khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) của việc sử dụng số liệu trên Báo cáo tài chính của các công ty này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các công ty liên kết bao gồm: Công ty Cổ phần Sông Đà Bình Phước, Công ty Cổ phần Địa ốc Đất Vàng Việt, Công ty Cổ phần Sông Đà Việt Hà, Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Thăng Long, Công ty Cổ phần Nền móng Sông Đà Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thăng Long và Công ty Cổ phần Thép Thăng Long Kansai chưa thực hiện cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, vì vậy lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Do bản chất của nghiệp vụ kế toán, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của việc không hợp nhất số liệu lãi (lỗ) từ các công ty liên kết này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2015

Nguyễn Nam Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01 - DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.398.976.701.477	3.017.085.269.040
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.152.595.921	28.931.802.732
1. Tiền	111	V.1	5.152.595.921	28.931.802.732
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	14.947.007.630
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	14.947.007.630
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		952.565.810.257	941.558.596.188
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	270.264.669.323	247.881.981.010
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	541.979.687.321	565.710.112.714
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		604.964.392	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4	228.236.389.875	178.974.573.893
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(88.519.900.654)	(51.008.071.429)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	1.948.581.633.751	1.460.074.739.061
1. Hàng tồn kho	141		1.948.581.633.751	1.460.074.739.061
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		492.676.661.548	571.573.123.429
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		368.308.175	187.269.718
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		838.079.359	837.784.359
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	491.470.274.014	570.548.069.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.771.339.215.925	2.717.806.127.547
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34.191.100.000	79.521.100.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	34.191.100.000	79.521.100.000
II. Tài sản cố định	220		1.094.975.579.195	1.946.804.190.497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	153.257.187.948	198.235.418.579
- Nguyên giá	222		461.261.599.023	459.743.588.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(308.004.411.075)	(261.508.170.189)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	23.794.797.178	34.765.060.929
- Nguyên giá	228		29.300.180.858	39.159.180.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.505.383.680)	(4.394.119.929)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	917.923.594.069	1.713.803.710.989
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		545.936.897.314	565.545.682.494
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	344.567.582.939	403.448.528.119
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	201.369.314.375	206.559.314.375
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(44.462.160.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.592.463.561	37.693.253.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.362.541.034	18.463.330.717
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.229.922.527	19.229.922.527
V. Lợi thế thương mại	269	V.14	75.643.175.855	88.241.901.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.170.315.917.402	5.734.891.396.587

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.466.943.954.126	6.062.611.828.311
I. Nợ ngắn hạn	310		5.158.387.477.248	4.494.105.240.611
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	2.518.677.978.544	1.741.844.668.937
2. Phải trả người bán	312	V.16	149.364.188.698	119.906.858.568
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	87.540.393.868	813.696.007.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	349.134.046.807	294.256.725.486
5. Phải trả người lao động	315		13.279.525.591	10.629.944.385
6. Chi phí phải trả	316	V.19	1.687.573.842.258	1.263.540.118.395
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	352.673.453.946	249.186.263.535
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		144.047.536	1.044.653.521
II. Nợ dài hạn	330		1.308.556.476.878	1.568.506.587.700
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	89.263.061.032	161.000.808.267
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	331.272.768.958	1.325.606.625.435
3. Doanh thu ghi nhận trước	338	V.23	888.020.646.888	81.899.153.998
B. NGUỒN VỐN	400		(1.305.515.230.135)	(337.615.642.568)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	(1.305.515.230.135)	(337.615.642.568)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.428.383.946	9.428.383.946
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.327.489.489	19.327.489.489
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.484.271.103.570)	(516.371.516.003)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.887.193.411	9.895.210.844
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.170.315.917.402	5.734.891.396.587

Cao Châu Tuệ
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 06 năm 2015

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		387.583.851.228	187.605.832.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		93.770.185.091	55.824.902.080
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	293.813.666.137	131.780.930.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.024.822.563.684	345.338.715.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(731.008.897.547)	(213.557.785.087)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.624.141.828	1.479.138.309
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	54.337.777.791	27.175.994.457
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		88.182.176.938	8.879.146.181
8. Chi phí bán hàng	24		2.317.095.690	1.495.655.379
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		63.161.873.678	54.517.861.365
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(831.201.502.878)	(295.268.157.979)
11. Thu nhập khác	31		-	7.021.535.267
12. Chi phí khác	32		86.180.120.528	12.172.787.683
13. Lợi nhuận khác	40	VI.5	(86.180.120.528)	(5.151.252.416)
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	45		(51.975.981.594)	(42.779.661.688)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(969.357.605.000)	(343.199.072.083)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(969.357.605.000)	(343.199.072.083)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.458.017.433)	(534.229.039)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(967.899.587.567)	(342.664.843.044)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(64.527)	(22.844)

Cao Châu Tuệ
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 06 năm 2015

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	160.992.147.329	117.062.446.798
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(94.379.140.635)	(116.069.036.631)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(14.207.308.251)	(10.466.804.404)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(10.975.673.969)	(4.141.525.576)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	238.789.467.983	106.061.262.029
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(173.670.041.187)	(123.158.384.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	106.549.451.270	(30.712.042.325)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(73.681.817)	(1.826.976.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	-	61.627.262
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	354.291.806	235.563.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.280.609.989	(1.529.785.758)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.890.000.000	109.534.429.147
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(136.499.268.070)	(68.742.328.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(132.609.268.070)	40.792.100.601
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(23.779.206.811)	8.550.272.518
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.931.802.732	20.381.530.214
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.152.595.921	28.931.802.732

Cao Châu Tuệ
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 06 năm 2015

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014906 ngày 05 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 13 lần. Lần sửa đổi cuối cùng là ngày 17 tháng 8 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm; nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp; ươm giống cây lâm nghiệp; trồng trọt; chăn nuôi hỗn hợp;
- Khảo sát, thiết kế công trình xây dựng thủy lợi, thủy điện; dịch vụ môi giới, định giá bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp (Công trình cấp IV);
- Thiết kế các công trình điện năng, đường dây, trạm biến áp; Thiết kế công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế hệ thống kỹ thuật, cấp thoát nước, điện, nội ngoại thất;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, quảng cáo bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị nhóm A;
- Lập dự toán, thẩm định dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đến nhóm A;
- Lập dự án đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Kinh doanh các loại dịch vụ phục vụ khu đô thị, khu công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và dầu mỡ phụ;
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hóa;
- Tư vấn đầu tư xây dựng; chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành xây dựng, đồ trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Khai thác mỏ lộ thiên, khai thác và chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); khoan tạo lỗ; khoan cọc nhồi và xử lý nền móng;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, nguyên vật liệu sản xuất ngành công nghiệp và các thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Sản xuất, mua bán điện;
- Vật tài vật tư, thiết bị ngành xây dựng và công nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất - mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc xây dựng (không tái chế phế thải, luyện kim đúc, xi mạ điện);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, công trình thủy kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến áp;
- Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long gồm:

Đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Khu đô thị mới Văn Khê - Phường La Khê - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội
Đơn vị trực thuộc	
Chi nhánh Công ty tại Hồ Chí Minh	Số 353/8 đường Nguyễn Trọng Tuyển - Phường 1 - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty tại Hòa Bình	Khu công nghiệp bờ trái Sông Đà - Phường Hữu Nghị - Thành phố Hòa Bình - Tỉnh Hòa Bình.
Chi nhánh Công ty tại Đà Lạt	Số 21C Phù Đổng Thiên Vương - Phường 8 - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng.
Chi nhánh Công ty tại Nha Trang	Lô DLE7 - Khu đô thị Biển An Viên - Phường Vĩnh Nguyên - Thành phố Nha Trang.
Ban quản lý dự án Văn Khê mở rộng	Khu đô thị mới Văn Khê - Phường La Khê - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.759.410.775.771 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 1.484.271.103.570 đồng. Điều này dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con), trong đó Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thăng Long Sài Gòn được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Thăng Long được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo tài chính của các công ty con khác được lập đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 4 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Thăng Long
 Địa chỉ : 163 Đường Nguyễn Tuân, Thành phố Hà Nội
 Hoạt động chính : Là công ty hoạt động trong lĩnh vực truyền thông
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2014 : 11.000.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 93,22%
 Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55%

2 - Tên Công ty : Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn
 Địa chỉ : Số 05, đường Liễu Giai, phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
 Hoạt động chính : Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2014 : 1.313.656.221 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 48,85%
 Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Tư vấn Franken Nguyễn, nhưng theo thỏa thuận, Công ty vẫn được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty con. Theo đó, Công ty Tư vấn Franken Nguyễn vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty Tư vấn Franken Nguyễn được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thăng Long Sài Gòn
 Địa chỉ : Số 7A Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
 Hoạt động chính : Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2014 : 53.550.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 75,31%
 Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

4 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Ba Năm Ba
 Địa chỉ : 351/22 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
 Hoạt động chính : Kinh doanh bất động sản, môi giới, tư vấn đầu tư bất động sản...
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2014 : 155.000.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 78,02%
 Quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty mẹ : 18,02%
 Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ : 60%

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư dài hạn*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư; các khoản cho vay dài hạn và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của các lô đất.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và giá trị nhà mẫu Usilk City được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	521.378.576	245.291.880
Tiền gửi ngân hàng	4.631.217.345	28.686.510.852
Cộng	5.152.595.921	28.931.802.732

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh doanh Bất động sản	41.490.750.004	76.553.920.807
Hoạt động xây lắp	478.143.682	1.035.183.682
Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.525.775.637	170.292.876.521
Các đối tượng khác	36.770.000.000	-
Cộng	270.264.669.323	247.881.981.010

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh doanh Bất động sản	401.781.838.603	495.737.694.527
Hoạt động xây lắp	16.148.051.554	18.137.709.270
Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.657.797.164	25.562.708.917
Hoạt động khác	26.392.000.000	26.272.000.000
Cộng	541.979.687.321	565.710.112.714

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Góp vốn tại dự án An Sinh và Tân Kiểng	59.230.366.356	66.284.340.356
Chi hệ tiền mua máy khoan cọc nhồi	21.000.000.000	21.000.000.000
Phải thu cá nhân ứng tiền phục vụ dự án đã nghỉ việc	34.959.101.000	34.959.101.000
Chi hệ Chi phí dự án Trương Đình Hội	-	5.152.800.000
Chi hệ tiền khối lượng khoan dự án Uhotel Huế	-	2.726.971.417
Tiền lãi cho vay ngắn hạn	764.591.306	1.276.862.040
Tiền cổ tức phải thu	7.314.766.667	1.400.000.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng DA bờ trái Sông Đà	41.314.000.000	-
Các đối tượng khác	63.653.564.546	46.174.499.080
Cộng	228.236.389.875	178.974.573.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.479.561.151	16.307.962.081
Công cụ, dụng cụ	2.286.699.147	2.286.699.147
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.926.644.184.303	1.438.308.888.683
Thành phẩm	1.654.592.866	1.654.592.866
Hàng hóa	931.249.055	931.249.055
Hàng gửi đi bán	585.347.229	585.347.229
Cộng	1.948.581.633.751	1.460.074.739.061

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	491.460.024.014	566.537.819.352
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.250.000	4.010.250.000
Cộng	491.470.274.014	570.548.069.352

7. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản ký quỹ để thực hiện:		
Dự án An Viên	1.511.100.000	-
Dự án Khách sạn Phú Yên	-	841.100.000
Dự án Cồn Tân Lập Nha Trang	29.000.000.000	75.000.000.000
Dự án D27 Nguyễn Phong Sắc - Cầu Giấy	3.680.000.000	3.680.000.000
Cộng	34.191.100.000	79.521.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2014	16.466.601.423	419.567.507.465	13.965.268.387	1.465.867.097	8.278.344.396	459.743.588.768
Mua trong năm	-	-	1.518.010.255	-	-	1.518.010.255
Tại 31/12/2014	16.466.601.423	419.567.507.465	15.483.278.642	1.465.867.097	8.278.344.396	461.261.599.023
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2014	3.966.668.712	244.087.074.569	7.748.506.379	1.176.581.929	4.529.338.600	261.508.170.189
Khấu hao trong năm	946.914.634	43.894.275.935	1.586.726.521	68.323.796	-	46.496.240.886
Phân loại lại tài sản		(3.749.005.796)			3.749.005.796	-
Tại 31/12/2014	4.913.583.346	284.232.344.708	9.335.232.900	1.244.905.725	8.278.344.396	308.004.411.075
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2014	12.499.932.711	175.480.432.896	6.216.762.008	289.285.168	3.749.005.796	198.235.418.579
Tại 31/12/2014	11.553.018.077	135.335.162.757	6.148.045.742	220.961.372	-	153.257.187.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2014	30.963.000.000	6.552.132.038	1.644.048.820	39.159.180.858
Thanh lý, nhượng bán	(9.859.000.000)	-	-	(9.859.000.000)
Tại 31/12/2014	21.104.000.000	6.552.132.038	1.644.048.820	29.300.180.858
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2014	2.356.267.232	1.286.570.536	751.282.161	4.394.119.929
Khấu hao trong năm	472.870.848	313.416.480	324.976.423	1.111.263.751
Tại 31/12/2014	2.829.138.080	1.599.987.016	1.076.258.584	5.505.383.680
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	28.606.732.768	5.265.561.502	892.766.659	34.765.060.929
Tại 31/12/2014	18.274.861.920	4.952.145.022	567.790.236	23.794.797.178

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư thực hiện các dự án	917.374.060.132	1.713.508.238.489
- Dự án Khu đô thị biển An Viên, Nha Trang	360.307.669.552	352.180.692.834
- Dự án 353/8 Đường Nguyễn Trọng Tuyển	146.767.025.650	133.109.348.104
- Dự án Phú Xuân - Nhà Bè, TPHCM	116.766.901.097	113.198.783.597
- Dự án Cồn Tân Lập, Nha Trang	97.023.571.554	89.867.737.846
- Dự án Đường Nguyễn Bình, TPHCM	96.241.298.543	96.239.198.543
- Dự án Chung cư cao cấp Sao Mai, TPHCM	32.289.341.526	177.487.684.624
- Dự án Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo, Hòa Bình	30.107.031.743	28.593.229.193
- Dự án Chung cư Tân Kiểng, TPHCM	19.926.274.219	287.784.266.116
- Dự án Khu dân cư số 1 Đà Lạt, Lâm Đồng	10.828.751.600	9.229.606.218
- Dự án Khu đô thị Phú Lãm, Hà Đông	4.109.554.030	4.109.554.030
- Dự án D27 Nguyễn Phong Sắc, Hà Nội	1.939.128.611	1.854.169.733
- Dự án Khách sạn 5 sao - Huế	-	305.222.786.797
- Dự án Khu công nghiệp bờ trái Hòa Bình	-	77.086.755.042
- Dự án Biệt thự Làng Châu Âu, Lâm Đồng	-	35.028.460.107
- Dự án Khách sạn Phú Yên	-	1.448.453.698
- Các công trình khác	1.067.512.007	1.067.512.007
Xây dựng cơ bản	295.472.500	295.472.500
- Trụ sở Công ty	295.472.500	295.472.500
Sửa chữa tài sản cố định	254.061.437	-
Cộng	917.923.594.069	1.713.803.710.989

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê
Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư vào Công ty liên kết		431.346.664.414		449.294.422.586
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	1.400.000	14.000.000.000	1.400.000	14.000.000.000
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	3.982.000	45.077.036.414	4.086.200	51.982.000.000
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	1.220.000	12.200.000.000	1.220.000	12.200.000.000
Công ty CP Sông Đà 207	2.400.000	31.700.000.000	2.400.000	31.700.000.000
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	4.432.000	44.320.000.000	4.432.000	44.320.000.000
Công ty Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Thăng Long	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
Công ty CP Sông Đà 1	1.914.200	22.970.500.000	1.914.200	22.970.500.000
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	6.000.000	60.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển Thăng Long	2.100.000	21.000.000.000	2.100.000	21.000.000.000
Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	1.102.500	138.379.128.000	1.102.500	149.421.922.586
Công ty CP Khoáng sản Thăng Long	110.000	1.100.000.000	110.000	1.100.000.000
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết		(86.779.081.475)	-	(45.845.894.467)
Cộng		344.567.582.939		403.448.528.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Tiếp theo)****Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:**

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Sông Đà Bình Phước	Bình Phước	20,00%	20,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	Nha Trang	21,35%	20,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
3	Công ty CP Bất động sản Thăng Long	Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
4	Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	Hà Nội	24,47%	20,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
5	Công ty CP Sông Đà 207	Hà Nội	21,82%	21,82%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
6	Công ty CP Sông Đà Việt Hà	Hà Nội	20,00%	20,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
7	Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	Hà Nội	86,29%	35,46%	Xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng
8	Công ty Kinh doanh TM Dịch vụ Thăng Long	Hà Nội	30,00%	30,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
9	Công ty CP Sông Đà 1	Hà Nội	38,28%	38,28%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
10	Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	Hà Nội	30,00%	30,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
11	Công ty CP Đầu tư phát triển Thăng Long	Hà Nội	20,00%	20,00%	Xây lắp và kinh doanh bất động sản
12	Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	Hải Phòng	49,72%	49,00%	Sản xuất vật liệu xây dựng
13	Công ty CP Khoáng sản Thăng Long	Hà Nội	10,02%	40,00%	Xây lắp và sản xuất vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê
Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****12. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Du lịch Thương mại Thuận Phú	600.000	7.128.000.000	600.000	7.128.000.000
- Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vân Phong	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty Tài Chính CP Sông Đà	113.000	1.132.100.863	113.000	1.132.100.863
Đầu tư dài hạn khác				
- Công ty CP Sông Đà Nha Trang	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	-	133.001.338.512	-	136.191.338.512
- Nguyễn Chí Uy	-	3.607.875.000	-	5.607.875.000
Cộng		201.369.314.375		206.559.314.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	534.304.036	2.916.841.934
Mỏ đá Đam Bri	453.983.624	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	374.253.374	15.546.488.783
Cộng	1.362.541.034	18.463.330.717

14. Lợi thế thương mại

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2014	125.987.254.575
Tại 31/12/2014	125.987.254.575
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2014	37.745.353.263
Phân bổ trong năm	12.598.725.457
Tại 31/12/2014	50.344.078.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2014	88.241.901.312
Tại 31/12/2014	75.643.175.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng	47.607.643.244	105.220.512.375
- Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân	-	48.358.914.961
- Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	-	3.253.954.170
- Ngân hàng VPBank Hồ Chí Minh	12.315.000.000	12.315.000.000
- Ngân hàng NN&PTNN Bắc Hà Nội	35.292.643.244	39.292.643.244
- Ngân hàng TMCP ACB - CN Lâm Đồng	-	2.000.000.000
Vay tổ chức, cá nhân khác	79.772.966.870	157.293.612.598
- Công ty CP Địa ốc Đất vàng Việt	15.971.000.000	15.951.000.000
- Công ty CP Sông Đà Việt Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Kinh doanh & XD 126	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xây dựng công nghiệp Descon	200.790.000	200.790.000
- Công ty CP DK	150.000.000	200.000.000
- Vay cá nhân	51.451.176.870	128.941.822.598
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.391.297.368.430	1.479.330.543.964
Cộng	2.518.677.978.544	1.741.844.668.937

16. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh doanh Bất động sản	28.141.574.562	77.329.826.282
Hoạt động xây lắp	17.366.097.370	11.426.423.317
Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.856.516.766	26.150.608.969
Các đối tượng khác	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	149.364.188.698	119.906.858.568

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh doanh Bất động sản	-	728.504.973.047
Hoạt động xây lắp	68.212.414.902	62.249.694.529
Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.327.978.966	2.941.340.208
Các đối tượng khác	2.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	87.540.393.868	813.696.007.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	147.554.407.784	150.758.311.592
Thuế xuất, nhập khẩu	-	719.671.977
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.675.456.902	36.675.456.902
Tiền thuê đất	3.040.559.197	27.047.639
Thuế thu nhập cá nhân	3.629.353.296	3.610.906.686
Thuế khác	159.234.269.628	102.465.330.690
Cộng	349.134.046.807	294.256.725.486

19. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.624.850.872.229	1.200.488.395.544
Chi phí dự án, công trình	60.490.886.766	61.317.599.588
Chi phí khác	2.232.083.263	1.734.123.263
Cộng	1.687.573.842.258	1.263.540.118.395

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.464.435.001	2.128.805.559
Bảo hiểm xã hội	8.496.300.228	5.546.345.315
Bảo hiểm y tế	30.353.747	30.353.745
Bảo hiểm thất nghiệp	98.689.195	494.016.429
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.000.000	400.000.000
Các khoản phải trả khác	342.183.675.775	240.586.742.487
- Tiền đặt cọc và tiền hợp tác đầu tư các Dự án	136.088.017.076	132.503.000.000
- Khoản vay chưa có hợp đồng	93.720.699.641	13.318.770.781
- Phải trả liên quan đến việc thanh lý các hợp đồng mua bán	50.620.434.024	23.866.739.413
- Tiền bán cổ phần thu hộ	6.538.000.000	10.138.000.000
- Các khoản thu hộ khác	-	7.433.488.171
- Thù lao Hội đồng quản trị	796.800.000	796.800.000
- Tiền CBCNV đóng góp ủng hộ các quỹ	569.334.382	599.234.382
- Các khoản phải trả khác	53.850.390.652	51.930.709.740
Cộng	352.673.453.946	249.186.263.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền đặt cọc và tiền hợp tác đầu tư các Dự án	89.263.061.032	161.000.808.267
Cộng	89.263.061.032	161.000.808.267

22. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng	1.199.485.060.890	1.183.143.045.682
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	450.000.000.000	450.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	214.120.000.000	214.120.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Á	24.980.000.000	25.000.000.000
- Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình	288.911.489.649	358.278.187.049
- Công ty Tài chính CP Điện Lực	110.609.554.719	110.609.554.719
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	21.883.728.046	23.209.803.914
- Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân	88.980.288.476	-
- Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bến Nghé	-	1.925.500.000
Vay tổ chức, các nhân khác	123.554.532.753	142.463.579.753
- Vay vốn các cá nhân	123.554.532.753	142.463.579.753
Trái phiếu công ty	1.399.530.543.745	1.479.330.543.964
Cộng	2.722.570.137.388	2.804.937.169.399
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.391.297.368.430	1.479.330.543.964
Cộng các khoản vay dài hạn	331.272.768.958	1.325.606.625.435

23. Doanh thu ghi nhận trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án Văn Khê	58.866.389.333	71.834.130.201
Dự án Usilk city	828.983.617.611	9.894.383.853
Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.639.944	170.639.944
Cộng	888.020.646.888	81.899.153.998

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****24. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	150.000.000.000	9.428.383.946	19.327.489.489	(173.706.672.959)	5.049.200.476
Lỗi trong năm	-	-	-	(342.664.843.044)	(342.664.843.044)
Số dư tại 31/12/2013	150.000.000.000	9.428.383.946	19.327.489.489	(516.371.516.003)	(337.615.642.568)
Lỗi trong năm	-	-	-	(967.899.587.567)	(967.899.587.567)
Số dư tại 31/12/2014	150.000.000.000	9.428.383.946	19.327.489.489	(1.484.271.103.570)	(1.305.515.230.135)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****25. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một Chi nhánh tại Hồ Chí Minh, một Chi nhánh tại Hòa Bình, một Chi nhánh tại Đà Lạt, một Chi nhánh tại Nha Trang và hai công ty con tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, doanh thu tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đà Lạt và Nha Trang chỉ chiếm 1,87% doanh thu hợp nhất. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 04 (bốn) bộ phận hoạt động: bộ phận quản lý các dự án bất động sản, bộ phận quản lý hợp đồng xây dựng, bộ phận kinh doanh hàng hóa và bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý các dự án bất động sản: Bán các dự án bất động sản do Công ty là chủ đầu tư;

Bộ phận quản lý hợp đồng xây dựng: Xây dựng công trình theo hợp đồng nhà thầu;

Bộ phận kinh doanh vật tư, thiết bị: Bán hàng hóa là vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình theo hợp đồng kinh tế;

Bộ phận cung cấp dịch vụ: Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ xây lắp theo các hợp đồng kinh tế và cung cấp các dịch vụ viễn thông; Thí nghiệm, nghiên cứu, khảo sát công trình...

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****25. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Bất động sản	Xây dựng	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	3.910.065.403.636	46.743.043.998	287.772.204.370	195.805.187.981	(286.834.489.101)	4.153.551.350.884
Tài sản không phân bổ						1.016.764.566.518
Tổng tài sản						5.170.315.917.402
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	5.975.414.138.180	85.578.512.272	83.032.234.697	9.359.898.808	(286.834.489.101)	5.866.550.294.856
Nợ phải trả không phân bổ						600.393.659.270
Tổng nợ phải trả						6.466.943.954.126

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

	Bất động sản	Xây dựng	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	4.822.441.036.502	49.289.741.714	210.729.072.180	218.891.519.221	(453.034.033.353)	4.848.317.336.264
Tài sản không phân bổ						886.574.060.323
Tổng tài sản						5.734.891.396.587
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	5.970.012.802.477	73.676.117.846	22.008.896.502	30.202.206.426	(453.034.033.353)	5.642.865.989.898
Nợ phải trả không phân bổ						419.745.838.413
Tổng nợ phải trả						6.062.611.828.311

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****25. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Bất động sản VND	Xây dựng VND	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	163.007.620.515	69.502.540.332	15.483.644.413	45.819.860.877	293.813.666.137
Tổng doanh thu	163.007.620.515	69.502.540.332	15.483.644.413	45.819.860.877	293.813.666.137
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	852.534.187.732	98.412.323.808	13.684.707.766	60.191.344.378	1.024.822.563.684
Kết quả hoạt động kinh doanh					-
Kết quả kinh doanh bộ phận	(689.526.567.217)	(28.909.783.476)	1.798.936.647	(14.371.483.501)	(731.008.897.547)
Chi phí không phân bổ					65.478.969.368
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(796.487.866.915)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					(51.975.981.594)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					19.624.141.828
Lợi nhuận khác					(86.180.120.528)
Chi phí tài chính					54.337.777.791
Lợi nhuận trước thuế					(969.357.605.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận trong năm					(969.357.605.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****25. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Bất động sản VND	Xây dựng VND	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	42.778.916.143	56.237.489.039	22.708.353.526	10.056.171.361	131.780.930.069
Tổng doanh thu	42.778.916.143	56.237.489.039	22.708.353.526	10.056.171.361	131.780.930.069
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	256.733.363.972	55.606.743.128	24.331.655.495	8.666.952.561	345.338.715.156
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(213.954.447.829)	630.745.911	(1.623.301.969)	1.389.218.800	(213.557.785.087)
Chi phí không phân bổ					56.013.516.744
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(269.571.301.831)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					(42.779.661.688)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					1.479.138.309
Lợi nhuận khác					(5.151.252.416)
Chi phí tài chính					27.175.994.457
Lợi nhuận trước thuế					(343.199.072.083)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận trong năm					(343.199.072.083)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	15.483.644.413	22.708.353.526
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.819.860.877	10.056.171.361
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	256.777.805.606	98.603.818.223
- Doanh thu hoạt động xây lắp	69.502.540.332	56.237.489.039
Cộng	387.583.851.228	187.605.832.149
Các khoản giảm trừ	93.770.185.091	55.824.902.080
- Chiết khấu thương mại	2.393.527.600	-
- Giảm giá hàng bán	91.376.657.491	55.824.902.080
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	293.813.666.137	131.780.930.069

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	13.684.707.766	24.331.655.495
Giá vốn cung cấp dịch vụ	60.191.344.378	8.666.952.561
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	852.534.187.732	256.733.363.972
Giá vốn hoạt động xây lắp	98.412.323.808	55.606.743.128
Cộng	1.024.822.563.684	345.338.715.156

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	568.275.770	1.479.138.309
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	4.543.100.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	160.014.846	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	234.572.202	-
Doanh thu tài chính khác	14.118.179.010	-
Cộng	19.624.141.828	1.479.138.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	88.182.176.938	8.879.146.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.879.676.125	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	611.247.461
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán đầu tư	(44.607.900.000)	-
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	17.423.093.333
Chi phí tài chính khác	8.883.824.728	262.507.482
Cộng	54.337.777.791	27.175.994.457

5. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	-	4.014.975.503
Thu nhập khác từ xử lý công nợ	-	2.243.620.728
Thu từ nhận bồi thường, đền bù	-	447.555.337
Các khoản thu khác	-	315.383.699
Thu nhập khác	-	7.021.535.267
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	3.430.853.729
Phân bổ giá trị tài sản không phục vụ hoạt động SXK	16.998.469.716	-
Chi phí đầu tư dự án bị hủy	2.592.778.066	-
Phạt chậm nộp thuế	55.919.417.039	2.363.138.968
Phạt vi phạm hợp đồng	9.500.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ kinh doanh	-	5.590.992.165
Các khoản chi khác	1.169.455.707	787.802.821
Chi phí khác	86.180.120.528	12.172.787.683
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(86.180.120.528)	(5.151.252.416)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(967.899.587.567)	(342.664.843.044)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(967.899.587.567)	(342.664.843.044)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(64.527)	(22.844)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.111.269.457	32.622.315.572
Chi phí nhân công	16.856.889.457	8.846.044.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.607.504.637	46.929.518.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.910.152.582	203.288.498.811
Chi phí khác	2.105.453.506	12.232.461.811
Cộng	222.591.269.639	303.918.838.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 và số V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	5.152.595.921	28.931.802.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	444.172.258.544	455.369.583.474
Đầu tư ngắn hạn	-	14.947.007.630
Đầu tư dài hạn	201.369.314.375	206.559.314.375
Cộng	650.694.168.840	705.807.708.211
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	2.849.950.747.502	3.067.451.294.372
Phải trả người bán và phải trả khác	591.300.703.676	530.093.930.370
Chi phí phải trả	1.687.573.842.258	1.263.540.118.395
Cộng	5.128.825.293.436	4.861.085.343.137

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối niên độ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	502.037.642.644	89.263.061.032	591.300.703.676
Chi phí phải trả	1.687.573.842.258	-	1.687.573.842.258
Các khoản vay	2.518.677.978.544	331.272.768.958	2.849.950.747.502
Cộng	4.708.289.463.446	420.535.829.990	5.128.825.293.436
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	369.093.122.103	161.000.808.267	530.093.930.370
Chi phí phải trả	1.263.540.118.395	-	1.263.540.118.395
Các khoản vay	1.741.844.668.937	1.325.606.625.435	3.067.451.294.372
Cộng	3.374.477.909.435	1.486.607.433.702	4.861.085.343.137

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền	5.152.595.921	-	5.152.595.921
Phải thu khách hàng và phải thu khác	409.981.158.544	34.191.100.000	444.172.258.544
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	201.369.314.375	201.369.314.375
Cộng	415.133.754.465	235.560.414.375	650.694.168.840
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Tiền	28.931.802.732	-	28.931.802.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	375.848.483.474	79.521.100.000	455.369.583.474
Đầu tư ngắn hạn	14.947.007.630	-	14.947.007.630
Đầu tư dài hạn	-	206.559.314.375	206.559.314.375
Cộng	419.727.293.836	286.080.414.375	705.807.708.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	562.312.982	5.197.655.094
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	13.090.909	26.692.721.654
Công ty CP Bất Động Sản Thăng Long	221.655.000	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	3.360.000	39.370.105.067
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	-	10.853.686.524
Công ty CP Sông Đà 207	-	2.979.828.985
Công ty CP Sông Đà 1	1.358.748.277	10.837.150.797
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	-	27.486.881.912
Cộng	2.159.167.168	123.418.030.033
Mua hàng		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	-	8.882.619.015
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	-	607.924.000
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	44.789.204.650	-
Công ty CP Thép Thăng Long Kanssai	-	6.286.517.150
Cộng	44.789.204.650	15.777.060.165

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	17.732.991.866	26.410.034.464
Công ty CP Sông Đà Nha Trang	5.827.254.786	-
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	56.179.500	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	80.758.761.922	80.971.115.045
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	39.636.938.968	39.046.938.968
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	71.249.370.305	73.452.205.233
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Thương mại Thăng Long	5.561.361.868	5.481.361.868
Công ty CP Sông Đà 1	934.139.442	-
Công ty CP Sông Đà 207	1.309.462.200	1.309.462.200
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	64.664.089.356	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	35.315.577.652	18.332.901.836
Công ty CP Thép Thăng Long Kanssai	58.066.162.772	56.517.712.772
Cộng	381.112.290.637	301.521.732.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	55.000.000	-
Công ty CP Sông Đà Nha Trang	145.869.935.097	108.892.618.000
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	3.291.157.837	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	4.889.112.031	4.806.536.401
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	67.030.801.370	13.000.000.000
Công ty CP Sông Đà 207	4.997.490.844	4.997.490.844
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	650.000.000	650.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Thương mại Thăng Long	301.950.300	221.950.300
Công ty CP Sông Đà 1	-	16.154.485.992
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	2.339.349.940	74.848.779.356
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	-	36.495.940.669
Cộng	229.369.797.419	260.067.801.562

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Cao Châu Tuệ
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 06 năm 2015

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu